TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 4080/2023/LĐ-ST
Ngày: 29/9/2023
V/v tranh chấp lao động yêu cầu thanh toán tiền lương, BHXH, BHTN và BHYT.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Quốc Hưng.

2. Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Xuân Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Tuyến – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2023/TLST-LĐ ngày 15/5/2023 về việc "Tranh chấp lao động về yêu cầu thanh toán tiền lương, BHXH, BHTN và BHYT" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5704/2023/QĐXXST-LĐ ngày 28/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 6036/2023/QĐST-LĐ ngày 12/9/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thu H, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Lầu 1 – Số 84-86 Nguyễn T, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1998 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã Hòa T, huyện C, tỉnh Đ.

(Theo văn bản ủy quyền số công chứng: 3382, quyển số 03/2023 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 25/3/2023 tại Phòng công chứng số 3 và Văn bản ủy quyền lập ngày 03/4/2023 của Công ty Luật TNHH N).

2. Bị đơn: Công ty cổ phần Q.

Trụ sở: Tầng 6, Nhà Lô I, Đường N, Khu công nghệ Cao, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Đình Bảo Q, sinh năm 1971. Địa chỉ cư trú: Số 09 M, phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Hữu L; Địa chỉ: 47A đường N, phường Ng, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, số Căn cước công dân 079073005778, cấp ngày 05/9/2022, nơi cấp là Cục CSQLHC về TTXH; Ông Nguyễn Bá P, số Căn cước công dân 089078017025, cấp ngày 13/3/2022, nơi cấp là Cục CSQLHC về TTXH.

Theo văn bản ủy quyền số 2006/2023/UQTT-OEIC ngày 15/6/2023 của Công ty cổ phần Q. Ngày 06/9/2023, Tòa án nhận được thông báo về chấm dứt thực hiện việc ủy quyền của Công ty cổ phần Q (dấu bưu điện ngày 05/9/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1). Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Nguyên đơn là người lao động tại Công ty cổ phần Q (sau đây gọi tắt là Công ty Q). Theo Hợp đồng lao động giữa nguyên đơn và Công ty Q thì nguyên đơn làm việc với Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12/09/2022 đến 11/09/2023; vị trí công việc: công nhân sản xuất; mức lương: 5.500.000 đồng/tháng; Hình thức trả lương: chuyển khoản vào ngày 10 hàng tháng.

Căn cứ theo phiếu lương do Công ty Q lập thì lương của nguyên đơn từ tháng 10/2022 đến tháng 02/2023 là: 23.397.008 đồng, cụ thể như sau:

- Lương tháng 10/2022 là: 5.436.154 đồng; Lương tháng 11/2022 là: 4.394.807 đồng; Lương tháng 12/2022 là: 5.180.728 đồng; Lương tháng 01/2023 là: 4.833.269 đồng; Lương tháng 02/2023 là: 3.552.500 đồng.

Tuy nhiên, tính đến nay Công ty Q chỉ mới thanh toán một phần tiền lương của tháng 10/2022 đến tháng 02/2023 cho nguyên đơn là: 7.279.402 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 23/12/2022 thanh toán số tiền là: 3.500.000 đồng (Công ty Q tạm ứng tiền lương tháng 10/2022);

- Ngày 15/3/2023 thanh toán số tiền là: 710.500 đồng (Công ty Q tạm ứng tiền lương tháng 02/2023);

- Ngày 17/3/2023 thanh toán số tiền là: 966.654 đồng (Công ty Q tạm ứng tiền lương tháng 01/2023);

- Ngày 20/3/2023 thanh toán số tiền là: 878.961 đồng (Công ty Q tạm ứng tiền lương tháng 11/2022);

- Ngày 22/3/2023 thanh toán số tiền là: 1.036.056 đồng (Công ty Q tạm ứng tiền lương tháng 12/2022);

- Ngày 24/3/2023 thanh toán số tiền là: 187.231 đồng (Công ty Q tạm ứng tiền lương tháng 10/2022).

Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty cổ phần Q còn nợ nguyên đơn số tiền lương của tháng 10/2022, 11/2022, 12/2022, 01/2023, 02/2023 là 15.117.606 đồng.

Mặc dù hàng tháng Công ty cổ phần Q vẫn khấu trừ tiền lương của nguyên đơn trên phiếu lương nhưng Công ty Q lại không đóng BHYT, BHXH, BHTN cho nguyên đơn, cụ thể:

- Về BHXH: Công ty Q đã nợ BHXH của nguyên đơn từ tháng 10/2022 đến nay.

- Về BHTN: Công ty Q đã đóng BHTN cho nguyên đơn đến hết tháng 02/2023, còn nợ BHTN từ tháng 03/2023 đến khi người lao động nghỉ việc;

- Về BHYT: Công ty Q đã đóng BHYT cho nguyên đơn đến hết tháng 02/2023, còn nợ BHYT từ tháng 03/2023 đến nay;

Nhận thấy hành vi của Công ty cổ phần Q là vi phạm hợp đồng lao động, đồng thời vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 94 Bộ luật Lao động năm 2019 làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên ngày 17/04/2023 nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức xem xét, giải quyết các yêu cầu sau đây:

- Buộc Công ty cổ phần Q thanh toán đầy đủ tiền lương và trợ cấp còn nợ của tháng 10/2022, 11/2022, 12/2022, 01/2023, 02/2023 là: 15.117.606 đồng cho nguyên đơn.

- Buộc Công ty cổ phần Q phải đóng đầy đủ cho nguyên đơn BHXH từ tháng 10/2022 đến tháng 4/2023;

- Buộc Công ty cổ phần Q phải đóng BHTN, BHYT từ tháng 03/2023 đến 20/4/2023.

(2). Đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty cổ phần Q vắng mặt tại phiên toà nhưng trong hồ sơ có lời trình bày:

Công ty cổ phần Q (sau đây gọi tắt là "Công ty") có ký Hợp đồng lao động với bà Ngô Thị Thu H theo Hợp đồng lao động số 03092022/HĐLĐ Lần 1.

Công ty cổ phần Q chưa thanh toán một phần tiền lương của bà Ngô Thị Thu H từ tháng 10/2022 đến tháng 02/2023 là 15.117.606 đồng; chậm nộp BHXH từ tháng 06/2021 đến tháng 02/2023; đã nộp BHYT, BHTN đến hết tháng 02/2023.

Bà Ngô Thị Thu H đã thôi việc theo Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 2004/2023/QĐTV-OEIC ngày 20/4/2023 nhưng chưa bàn giao công cụ lao động cho Công ty.

Quyết định về việc chấm dứt HĐLĐ với bà H, Công ty đã gửi qua mail cho người lao động.

Công ty cổ phần Q đã thiếu hụt đơn hàng dẫn đến Công ty không có nguồn tài chính để thanh toán phần tiền lương còn lại và nộp BHXH cho nguyên đơn. Công ty sẽ thanh toán phần tiền lương còn lại và nộp BHXH cho nguyên đơn vào tháng 06 năm 2024. Công ty sẽ mời những người lao động cũ quay lại làm việc khi có đơn hàng dự kiến vào Quý 4 năm 2023.

Đối với yêu cầu của người lao động về việc đóng đầy đủ BHXH, BHTN, BHYT thì Công ty sẽ thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước (nếu có vi phạm).

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất: Đại diện hợp pháp của phía bị đơn vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

(4) Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai: Đại diện hợp pháp của phía bị đơn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

(5) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự. Về nội dung, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ kiện: Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần Q thanh toán tiền lương, tiền BHXH, BHTN và BHYT, các bên đã phát sinh tranh chấp từ hợp đồng lao động thuộc trường hợp quy định tại Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có mã số doanh nghiệp: 0313436919 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký lần đầu ngày 11/9/2015,

đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/10/2021, xác định Công ty cổ phần Q có trụ sở đăng ký hoạt động tại địa chỉ: Tầng 6, Nhà lô I, Đường N, Khu công nghệ Cao, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 190 của Bộ luật lao động năm 2019 thì "Thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà bên tranh chấp cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm". Tháng 10 năm 2022, Công ty Q bắt đầu nợ lương của bà H, đến ngày 20/4/2023 Công ty Q ban hành quyết định số 2004/2023/QĐTV-OEIC chấm dứt hợp đồng lao động với bà H theo thông báo chấm dứt hợp đồng lao động số 6003/2023/TB-OEIC ngày 21/3/2023 của Công ty Q. Ngày 17/4/2023, bà H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án để giải quyết tranh chấp lao động giữa hai bên là còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Nhận thấy, đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối giữa các bên đương sự, áp dụng theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: giữa Công ty cổ phần Q và bà Ngô Thị Thu H có xác lập quan hệ lao động. Hợp đồng lao động xác định thời hạn số 03092022/HĐLĐ lần 1 từ ngày 12/9/2022 đến ngày 11/9/2023, bà H làm việc với vị trí công việc là công nhân lắp ráp, mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động là 5.500.000 đồng/tháng, trả lương theo phương thức chuyển khoản vào ngày 10 hàng tháng. Căn cứ theo quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 18, Điều 20 và Điều 21 của Bộ luật lao động năm 2019, hợp đồng lao động giao kết giữa hai bên đã phát sinh hiệu lực ràng buộc trách nhiệm pháp lý buộc các bên phải thực hiện. Ngày 21/3/2023, Công ty Q thông báo chấm dứt hợp đồng lao động số 6003/2023/TB-OEIC, đến ngày 20/4/2023 Công ty Q ban hành quyết định số 2004/2023/QĐTV-OEIC chấm dứt hợp đồng lao động với bà H, nội dung theo thông báo và quyết định khẳng định tiền lương và các khoản phụ cấp của người lao động bà H sẽ được chi trả tính đến ngày 19/4/2023.

Xét thấy, Người sử dụng lao động là Công ty Q phải có nghĩa vụ trả tiền lương cho người lao động bà H đầy đủ và đúng hạn, trả đúng hình thức các bên đã thỏa thuận. Thế nhưng, Công ty Q chỉ trả một phần lương, còn nợ lại một phần tiền lương của bà H từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023 với số tiền lương còn nợ 15.117.606 đồng, là vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận giữa các

bên tại mục 4.1.2 khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng lao động và vi phạm nguyên tắc trả lương cho người lao động được quy định tại Điều 94 của Bộ luật lao động năm 2019. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền lương còn nợ 15.117.606 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ nhận phân tích và nhận định như trên, Hội đồng xét xử có cơ sở để buộc Công ty cổ phần Q phải nộp đầy đủ tiền Bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2022 đến ngày 19/4/2023; Bảo hiểm thất nghiệp và Bảo hiểm y tế từ tháng 03 năm 2023 đến ngày 19/4/2023, trên mức lương thỏa thuận là 5.500.000 đồng/tháng, đúng theo quy định tại Điều 168 của Bộ luật lao động năm 2019 và Điều 85, Điều 86 và Điều 89 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, buộc bị đơn Công ty cổ phần Q phải chịu án phí lao động sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả tiền lương còn nợ cho người lao động và chịu án phí không có giá ngạnh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận về việc đóng tiền bảo hiểm còn nợ cho nguyên đơn.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phân tích là có căn cứ và đề nghị phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 6, Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 147, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Bộ luật lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 21, Điều 85, Điều 86 và Điều 89 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ Luật bảo hiểm Y tế năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà Ngô Thị Thu H: Buộc Công ty cổ phần Q phải trả cho bà Ngô Thị Thu H tổng số tiền lương còn nợ là 15.117.606 đồng (Mười lăm triệu một trăm mười bảy nghìn sáu trăm lẻ sáu đồng).

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty cổ phần Q không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền lương thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Buộc Công ty cổ phần Q thực hiện ngay việc tiếp tục đóng tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 10 năm 2022 đến ngày 19/4/2023, tiền bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế từ tháng 03 năm 2023 đến ngày 19/4/2023, cho người lao động bà Ngô Thị Thu H trên mức lương thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng lao động là 5.500.000 (Năm triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng, đúng theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Buộc Công ty cổ phần Q phải nộp tiền án phí lao động sơ thẩm, tổng cộng là 753.528 đồng (Bảy trăm năm mươi ba nghìn năm trăm hai mươi tám đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Tp. T;
- CCTHADS Tp. T;
- Lưu VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)